

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 12 – 8 – 2025

V/v “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Dương Thị Tuyết Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Hùng;

2. Bà Vũ Thị Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quây – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tây Ninh.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 60/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc C, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).

2. Bị đơn: Bà Trương Thị Ngọc T, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Ấp C, xã B, thị xã K, tỉnh Long An (Nay là ấp C, xã B, tỉnh Tây Ninh).

Ông C có mặt; bà T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 14/5/2025 của ông Nguyễn Quốc C và phần trình bày của ông C trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Ông Nguyễn Quốc C và bà Trương Thị Ngọc T tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 25/6/2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được một người con chung tên Nguyễn Ngọc An N, tuy nhiên khoảng 03 năm trở lại đây xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau về lối sống nên hai bên đã sống ly thân, bà T đã chuyển về sống với cha mẹ ruột tại xã B, thị xã K từ tháng 01/2023 đến nay. Mặc dù đã được cha mẹ hai bên nói chuyện hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay ông C yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông C và bà T có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc An N, sinh ngày 27/7/2018, hiện nay cháu N đang sống với mẹ. Theo đơn khởi kiện ông C yêu cầu được nuôi con, tuy nhiên vì cháu đang sống chung với mẹ, đã quen nếp sống và mẹ cháu vẫn bảo đảm vào việc nuôi dưỡng và chăm sóc con nên khi ly hôn ông C đồng ý giao con cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, ông C đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 8/2025 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông C và bà T không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Trương Thị Ngọc T vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc C với bà Trương Thị Ngọc T. Xét thấy bà T có địa chỉ cư trú tại xã B, thị xã K, tỉnh Long An (nay là xã B, tỉnh Tây Ninh). Do đó căn cứ quy định Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và căn cứ Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp là ly hôn, nuôi con chung và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tây Ninh.

[2] Bà Trương Thị Ngọc T đã được cấp, tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T đúng quy định.

[3] Về nội dung:

[3.1] Quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quốc C trình bày quá trình tiến đến hôn nhân với bà Trương Thị Ngọc T là tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn mà ông C cung cấp thể hiện ông C và bà T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An theo số 45/2018 ngày 25/6/2018 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Ông C yêu cầu ly hôn vì cho rằng vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, trái quan điểm sống, hai bên không còn sống chung khoảng 02 năm nay và không có khả năng hàn gắn. Bà T vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trình bày như vậy chứng tỏ không còn quan tâm, không có thiện chí hàn gắn hôn nhân.

Qua đó cho thấy, tình trạng hôn nhân giữa hai bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân là hướng đến xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Nguyễn Quốc C được ly hôn với bà Trương Thị Ngọc T theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về con chung: Ông C trình bày có một người con chung là cháu Nguyễn Ngọc An N, sinh ngày 27/7/2018.

Ông C trình bày hiện nay cháu N đang sống chung với bà T và được bảo đảm điều kiện chăm sóc tốt. Ông C đồng ý giao cháu N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục sau khi ly hôn. Căn cứ các Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông C, giao cháu N cho bà T được tiếp

tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Ông C đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng cấp dưỡng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ tháng 8/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện trên.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông C trình bày không có và không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này đương sự có tranh chấp thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, ông C phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 177, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Nguyễn Quốc C với bà Trương Thị Ngọc T.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quốc C được ly hôn với bà Trương Thị Ngọc T.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc An N, sinh ngày 27/7/2018, (giới tính nữ) cho bà Trương Thị Ngọc T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Quốc C về việc cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Ngọc An N hàng tháng, mỗi tháng cấp dưỡng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2025 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ông Nguyễn Quốc C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom theo quy định của pháp luật. Bà T cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở ông C trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì ông C, bà T hoặc cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Quốc C có nghĩa vụ nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng và án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng. Ông C được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002913 ngày 23/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Ông Nguyễn Quốc C còn phải nộp số tiền án phí là 300.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Quốc C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trương Thị Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 8 – Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Dương sự;
- UBND xã Thạnh Phước, tỉnh Tây Ninh;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Dương Thị Tuyết Nhung

